

CÔNG TY TNHH THỂ THAO 247
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THỂ THAO 247

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: 247 SPORT CO., LTD

Tên công ty viết tắt: 247 SPORT COMPANY LIMITED

2. Mã số doanh nghiệp: 0109883402

3. Ngày thành lập: 11/01/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Xóm 2, Thôn Miếu Môn, Xã Trần Phú, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0989260313

Fax:

Email:

Website: *THETHAO-247.COM*

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Lát sàn hoặc tường bằng gạch, bê tông, đá xẻ, gạch gốm	4330
4.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý hàng hoá (Không bao gồm đấu giá hàng hoá)	4610
5.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
6.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột - Bán buôn thực phẩm chức năng	4632
7.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Bán buôn thảm trải sàn	4641
8.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn thiết bị, dụng cụ thể dục - Bán buôn thiết bị, dụng cụ thể thao - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	4649
9.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
10.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép	4669

12.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230
13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
14.	Giáo dục thể thao và giải trí Chi tiết: - Dạy thể dục; - Huấn luyện viên, giáo viên và các hướng dẫn viên thể thao chuyên nghiệp;	8551
15.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
16.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
17.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
18.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
19.	Hoạt động thể thao khác	9319
20.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
21.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Không bao gồm hoạt động của các sàn nhảy, các phòng hát karaoke	9329
22.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sửa chữa dụng cụ thể dục, thể thao (trừ súng thể thao);	9529
23.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) (Trừ massage)	9610
24.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	6619
25.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
26.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
27.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
28.	Quảng cáo Chi tiết: Trừ quảng cáo thuốc lá	7310
29.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận Chi tiết: Loại trừ dịch vụ thăm dò dư luận	7320
30.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
31.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
32.	Bán buôn tổng hợp	4690
33.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng	4722

34.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ không chứa cồn: Các loại đồ uống nhẹ, có chất ngọt, có hoặc không có gas như: Côca côla, pépsi côla, nước cam, chanh, nước quả khác...; - Bán lẻ nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác.	4723
35.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
36.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
37.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
38.	Sản xuất giày, dép	1520
39.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
40.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
41.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi)	5210
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hoạt động liên quan đến vận tải hàng không và các hoạt động môi giới)	5229
43.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
44.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
45.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: - Quán cà phê, giải khát - Dịch vụ phục vụ đồ uống khác	5630
46.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
47.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
48.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
49.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
50.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
51.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
52.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
53.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
54.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
55.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: lắp đặt máy móc, thiết bị thể dục, thể thao	3320
56.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Sản xuất và cung cấp nước sạch	3600
57.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
58.	Xây dựng nhà để ở	4101
59.	Xây dựng nhà không để ở	4102
60.	Xây dựng công trình đường sắt	4211

61.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
62.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
63.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
64.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
65.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
66.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
67.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
68.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763(Chính)
69.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
70.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	DƯƠNG THU TRANG	Việt Nam	Thôn Vôi Đá, Xã Trần Phú, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	6.000.000.000	60,000	001192005895	
2	NGUYỄN HUY TRÍ	Việt Nam	Thôn Miếu Môn, Xã Trần Phú, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	4.000.000.000	40,000	001090007544	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: DUỠNG THU TRANG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 16/10/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001192005895

Ngày cấp: 05/04/2016

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: *Thôn Vôi Đá, Xã Trần Phú, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Vôi Đá, Xã Trần Phú, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội